

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 19/2026/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 21 tháng 7 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn vốn ngân sách
Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện
Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn
2025 - 2035 trên địa bàn tỉnh, giai đoạn I: từ 2025 đến năm 2030**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi
Luật số 90/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15;

*Căn cứ Nghị quyết số 162/2024/QH15 của Quốc hội về phê duyệt chủ
trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn
2025 - 2035;*

*Căn cứ Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc
hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn
ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một
số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật; được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ;*

*Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định cơ chế
quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 41/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy
định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ
vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc
gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035;*

*Xét Tờ trình số 513/TTr-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban
nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 97/BC-VHXXH ngày 16 tháng 7 năm 2026
của Ban Văn hoá - Xã hội của Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của
đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí,
định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng từ ngân sách
địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai
đoạn 2025-2035 trên địa bàn tỉnh, giai đoạn I: từ 2025 đến năm 2030.*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025-2035 trên địa bàn tỉnh, giai đoạn I: từ 2025 đến năm 2030 (*sau đây gọi là Chương trình*).

2. Đối tượng áp dụng

a) Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị sử dụng vốn ngân sách Nhà nước để thực hiện Chương trình.

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập, thực hiện kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình.

Điều 2. Nguyên tắc phân bổ vốn thực hiện Chương trình

1. Tuân thủ quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030, Quyết định số 41/2025/QĐ-TTg ngày 10 tháng 11 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035 và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Bám sát mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ của Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2030; phân bổ vốn trong phạm vi tổng mức vốn đầu tư phát triển và vốn sự nghiệp được cấp có thẩm quyền phê duyệt; bảo đảm cơ cấu hợp lý giữa các lĩnh vực, nhiệm vụ và địa bàn.

3. Thực hiện phân bổ vốn theo hướng tập trung, có trọng tâm, trọng điểm, bảo đảm tính bền vững, ưu tiên:

a) Các nhiệm vụ trọng tâm, cấp thiết trong bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa; xây dựng, phát triển con người toàn diện, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững.

b) Hoàn thiện và nâng cao hiệu quả hoạt động hệ thống thiết chế văn hóa các cấp; đầu tư các nhiệm vụ mang tính nền tảng, dẫn dắt, định hướng tạo nền tảng thu hút các nguồn lực xã hội tham gia phát triển văn hóa, nhất là các nhiệm vụ phát triển công nghiệp văn hóa.

c) Các nhiệm vụ về đổi mới sáng tạo, ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa.

d) Hỗ trợ các xã, phường có điều kiện phát triển kinh tế - xã hội khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, bảo đảm thu hẹp khoảng cách thụ hưởng văn hóa giữa các vùng.

4. Căn cứ tổng mức vốn ngân sách trung ương hỗ trợ và khả năng cân đối ngân sách địa phương, Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định phân bổ vốn bảo đảm đồng bộ, không chồng chéo, không trùng lặp với các chương trình, đề án khác; bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp theo quy định của pháp luật, phát huy tính chủ động, trách nhiệm của các cấp chính quyền địa phương trong tổ chức thực hiện.

Điều 3. Tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương

1. Bố trí vốn đối ứng từ nguồn ngân sách tỉnh giai đoạn 2025 - 2030 và hằng năm tối thiểu bằng 10% tổng ngân sách Trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình cho tỉnh.

2. Căn cứ khoản 1 Điều này, Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí đủ vốn đối ứng, tùy tình hình thực tế phân bổ cho phù hợp.

Điều 4. Định mức phân bổ vốn

1. Đối với vốn đầu tư

a) Cấp tỉnh: Tập trung đầu tư các dự án, công trình văn hóa, thiết chế văn hóa cấp tỉnh quan trọng, có sức lan tỏa, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ chính trị của tỉnh; ưu tiên tu bổ, tôn tạo di tích quốc gia đặc biệt và di tích quốc gia trên địa bàn tỉnh đảm bảo theo mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình.

b) Cấp xã: Đầu tư nâng cấp, sửa chữa các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở (*Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã, Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn, xóm, bản, tiểu khu, tổ dân phố...*); đầu tư tu bổ, tôn tạo di tích quốc gia; điểm vui chơi, giải trí cho trẻ em; bảo tồn làng, bản gắn với phát triển du lịch cộng đồng, tạo sinh kế cho đồng bào dân tộc thiểu số tại cơ sở đảm bảo theo mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình.

2. Đối với vốn sự nghiệp: Hằng năm, căn cứ vào kế hoạch vốn được hỗ trợ từ ngân sách trung ương và hướng dẫn thực hiện Chương trình, Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng phương án phân bổ vốn cụ thể cho các cấp (tỉnh, xã), các ngành trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định để triển khai thực hiện hiệu quả nguồn vốn được giao.

3. Tổng số vốn phân bổ cho cấp xã được xác định bằng tổng số vốn còn lại sau khi phân bổ cho cấp tỉnh.

Điều 5. Tiêu chí, phương pháp phân bổ vốn ngân sách trung ương

1. Tiêu chí, hệ số phân bổ cho các xã, phường

a) Theo đối tượng xã

Các xã đặc biệt khó khăn: Hệ số 6,0

Các xã còn lại: Hệ số 4,0

Các phường: Hệ số 2,0

b) Theo quy mô dân số

Gọi hệ số điểm tiêu chí theo quy mô dân số của mỗi xã, phường là B.

Hệ số điểm:
$$B = \frac{50}{(\text{Tổng dân số trên địa bàn tỉnh})} \times \text{Tổng dân số mỗi xã, phường}$$

Hệ số B được làm tròn đến 2 chữ số thập phân sau dấu phẩy.

Hệ số 50 được xác định do tổng quy mô dân số của tỉnh từ 1 triệu đến dưới 2 triệu người (*được quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 5, Quyết định số 41/2025/QĐ-TTg*).

c) Theo quy mô diện tích

Gọi hệ số điểm tiêu chí theo quy mô diện tích của mỗi xã, phường là C.

Hệ số điểm: $C = \frac{50}{(\text{Tổng diện tích toàn tỉnh})} \times \text{Tổng diện tích mỗi xã, phường}$

Hệ số C được làm tròn đến 2 chữ số thập phân sau dấu phẩy.

Hệ số 50 được xác định do tổng quy mô diện tích của tỉnh có diện tích từ 10.000km² đến dưới 15.000km² (*được quy định tại điểm d, khoản 1 Điều 5 Quyết định số 41/2025/QĐ-TTg*).

d) Theo di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh

Di tích quốc gia đặc biệt: Hệ số 5,0.

Di tích quốc gia: Hệ số 2,0.

2. Phương pháp tính mức vốn được phân bổ

a) Căn cứ vào các tiêu chí tại khoản 1 Điều này để tính số điểm của mỗi xã, phường và tổng số điểm của mỗi xã, phường làm căn cứ để phân bổ vốn ngân sách trung ương hỗ trợ cho ngân sách cấp xã, theo các công thức sau:

Gọi số điểm của tiêu chí phân bổ theo đối tượng xã của xã, phường thứ i là A_i .

Gọi số điểm của tiêu chí phân bổ theo quy mô dân số của xã, phường thứ i là B_i .

Gọi số điểm của tiêu chí phân bổ theo quy mô diện tích của xã, phường thứ i là C_i .

Gọi số điểm của tiêu chí phân bổ theo di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh của xã, phường thứ i là D_i .

Gọi tổng điểm của xã thứ i gọi là X_i : $X_i = A_i + B_i + C_i + D_i$

Gọi tổng số điểm của n xã, phường nhận hỗ trợ ngân sách trung ương là Y:

$$Y = \sum_{i=1}^n X_i$$

b) Số vốn định mức cho một điểm phân bổ được tính theo công thức:

Gọi K là tổng số vốn ngân sách trung ương của Chương trình còn lại sau khi phân bổ cho ngân sách cấp tỉnh.

Gọi Z là số vốn định mức cho một điểm phân bổ vốn ngân sách trung ương, khi đó:

$$Z = \frac{K}{Y}$$

c) Tổng mức vốn ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình cho mỗi xã, phường được tính theo công thức sau:

Gọi V_i là số vốn ngân sách trung ương của Chương trình hỗ trợ cho ngân sách xã, phường của xã, phường thứ i :

$$V_i = Z \times X_i$$

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 8 năm 2026.
2. Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn vốn thực hiện Chương trình quy định tại Nghị quyết này áp dụng cho các năm ngân sách giai đoạn 2025 - 2030.
3. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XVI, nhiệm kỳ 2026 - 2031, Kỳ họp thứ hai thông qua ngày 21 tháng 7 năm 2026./.

Nơi nhận: 

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Ủy ban Tài chính - ngân sách của Quốc hội;
- Ủy ban công tác đại biểu của Quốc hội;
- Các Bộ: Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Tài chính; Tư pháp;
- Cục Kiểm tra văn bản và TCTH pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế, Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch;
- Ban Thường vụ tỉnh uỷ;
- Thường trực Tỉnh uỷ; HĐND, UBND, Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh; Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh uỷ; Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- Thường trực Đảng uỷ; HĐND; UBND;
- UBMTTQVN các xã, phường;
- Trung tâm thông tin - Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm Lưu trữ, việc làm, người có công tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

CHỦ TỊCH




Lò Minh Hùng